

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng hùn vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năng

Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST- DS ngày 6 tháng 11 năm 2020 về “*tranh chấp hợp đồng hùn vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm: 1976 (có mặt)

HKTT: Số nhà 215, Tổ 1, ấp Tân H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh K

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Kim T có ông Nguyễn Văn P - là luật sư thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 477A/24, Quận Cơ Thành, phường Bình K, thành phố L, An Giang.

-Bị đơn: Bà Trần Kim G, sinh năm 1978 (vắng mặt)

HKTT: Tổ 9, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Ông Đỗ Văn P, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, Huyện C, An Giang.

Ông Huỳnh Văn V, sinh năm: 1975 (có mặt)

Ông Huỳnh Văn V, sinh năm: 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số nhà 215, Tổ 1, ấp Tân H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh K

-Người làm chứng: Ông Đỗ Công D (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, Huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 5/11/2020 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Kim T trình bày:

Vào khoảng tháng 5 năm 2016, tôi có hùn vốn mua máy cày, cày thuê đất ruộng với bà Trần Kim G. Tôi đã hùn vào số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) cùng với 02 lao động bên tôi là chồng tôi Huỳnh Văn V, sinh năm: 1975, và con tôi là Huỳnh Văn V, sinh năm: 2001. Phía bên bà G hùn vốn số tiền tương ứng bằng hình thức góp tài sản có sẵn: Mua thẻ chấp máy cày, cùng với 2 lao động là chồng của Trần Kim G tên: Đỗ Văn P và con Đỗ Công Danh. Quá trình làm ăn sau 9 mùa vụ, đôi bên không thống nhất nhau về cách làm, thu lợi nhuận không rõ ràng nên mới bị “rả hùn” vào tháng 5 năm 2019. Sau đó chúng tôi có “thỏa thuận miệng” với nhau là: Phía bà G trả lại tôi số tiền hùn ban đầu là 250.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền công lao động của chồng và con tôi. Tổng cộng số tiền mà bà G phải trả cho tôi số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Hình thức là trả dần cho chúng tôi theo từng mùa vụ. Đến tháng 7 năm 2019 bà G trả cho chúng tôi được số tiền 100.000.000 đồng. Qua đến tháng 5 năm 2020 bà G trả được số tiền 100.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà G trả cho tôi được số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) thì bà G hứa sẽ trả thành 2 lần: Ngày 5/8/2020 trả số tiền 50.000.000 đồng và ngày 30/12/2020 trả tiếp số tiền 80.000.000 đồng nữa là dứt điểm, nhưng kèm với sự hứa hẹn bà G buộc tôi phải chấp nhận điều kiện là: Tôi phải cắt chuyển hộ khẩu trong gia đình từ ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang về quê chồng tôi tại ấp Tân H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh K. Tôi thấy quá khó khăn bị ép buộc nên tôi đồng ý. Bà Trần Kim G có làm “tờ giao kèo” ký ngày 5/5/2020, có mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Đ và ông Đỗ Văn P ký vào tờ giao kèo. Tôi đã thực hiện việc cắt chuyển hộ khẩu ngày 7/5/2020 nhưng về phía bà G lại thất hứa. Vào ngày 5.8.2020 tôi đến gặp bà G để nhận số tiền lần 1 như đã hứa nhưng bà G thất hứa, không thực hiện giao kèo ký ngày 5/5/2020 không trả cho tôi tiền, còn dùng lời lẽ nhục mạ, xúc phạm tôi. Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trần Kim G trả cho tôi số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), tôi không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Đỗ Văn P trả số tiền này.

Đối với bị đơn bà Trần Kim G: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà G vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không lý do. Tòa án tiến hành xác minh sự vắng mặt của bà Giang. Tại biên bản lấy lời khai ngày 8/3/2021 bà cho biết: Bà là em ruột của bà

Thức, bà có biết việc bà T khởi kiện nhưng không có thời gian đến tòa. Bà không có hùn làm ăn với bà Thức. Bà có thuê ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn Vũ làm thuê theo mùa, bà không có nợ nần hay ký giao kèo gì với bà T cả. Tờ giao kèo ngày 5/5/2020 do bà T mạo chữ ký, chữ viết của bà và mẹ của bà là Nguyễn Thị Đ. Bà không có nợ nần gì với bà T, nếu bà T nói bà thiếu nợ thì tự bà T đi giám định chữ ký, chữ viết, bà không có thời gian đến tòa, tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Đ: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo đưa người vào tham gia tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Phùng, bà Đ vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không lý do. Tòa án tiến hành xác minh sự vắng mặt của bà Đ, ông P. Qua xác minh tại địa phương thì bà Đ và ông P vẫn còn hộ khẩu cư ngụ tại Tổ 9, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, Huyện C, An Giang nhưng bà Đ, ông P không có mặt tại nhà nên Tòa án lập biên bản không lấy lời khai lại được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V trình bày: Tôi là chồng của bà Trần Kim T. Vào năm 2016 vợ tôi (là bà T) có hùn vốn mua máy cày, cày thuê đất ruộng với bà Giang. Hình thức là vợ tôi bỏ vốn với số tiền 250.000.000 đồng và bằng khoán đất (đem bằng khoán đất đi thế chấp Ngân hàng vay tiền để lấy vốn làm ăn) và 2 lao động là tôi và con tôi tên là V. Thỏa thuận là làm trong 3 năm tương đương 9 mùa vụ. Công việc của tôi là chạy máy cày đất ruộng, con tôi chạy máy cày, cung cấp dầu cho máy cày và làm công việc khác khi người lái máy yêu cầu. Mỗi mùa hai bên ngồi tất toán lại với nhau, tuy nhiên sau khi trừ chi phí thì thường không có lợi nhuận nên không có chia lợi nhuận và tôi và con tôi cũng không có trả tiền công. Đến năm 2019 theo thỏa thuận là 3 năm thì các bên không hùn làm ăn nữa. Các bên thỏa thuận hùn vốn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có giấy tờ. Số tiền hùn 250.000.000 đồng và tiền công 80.000.000 đồng là đúng. Vì khi kết thúc thỏa thuận bà G hứa trả cho vợ tôi số tiền 250.000.000 đồng và tiền công của tôi và Vũ là 80.000.000 đồng, nhưng bà G không có trả lại tiền. Tôi đồng ý để cho bà Tyêu cầu trả số tiền này, sau đó để vợ chồng tôi tính toán sau, tôi không yêu cầu trả số tiền công 80.000.000 đồng cho tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Kim T trình bày: Nguyên vào tháng 5 năm 2016, bà T có hùn vốn làm ăn mua máy cày để cày thuê với bà Trần Kim G. Bà T hùn số tiền vốn là 250.000.000 đồng cùng với 2 hợp đồng lao động là ông Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn V, bà G thì hùn số tiền 250.000.000 đồng và 2 hợp đồng lao động là ông Đỗ Văn P, Đỗ Công D. Quá trình hùn hạp làm ăn có xảy ra mâu thuẫn với nhau về việc phân chia lợi nhuận. Hai bên có thỏa thuận miệng là bà G trả lại cho bà T số tiền vốn là 250.000.000 đồng và 80.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 7 năm 2019 thì bà G có trả lại số tiền hùn cho bà T là 100.000.000 đồng. Tháng 5 năm 2020 bà G trả tiếp cho bà T số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 5/5/2020 thì hai bên có làm tờ giao kèo: Bà G thừa nhận

còn nợ bà T số tiền 130.000.000 đồng và hẹn trả làm 2 lần, tuy nhiên bà G không thực hiện theo cam kết. Quá trình tố tụng thì Tòa án có trưng cầu phân viên khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà G tại tờ giao kèo ngày 5/5/2020 và các mẫu so sánh. Kết quả giám định thể hiện chữ ký, chữ viết tại tờ giao kèo ngày 5/5/2020 là do bà G ký và viết tên. Tuy bà G không tham gia tố tụng, không thừa nhận nợ nhưng kết quả giám định đã thể hiện chữ ký, chữ viết tại tờ giao kèo ngày 5/5/2020 là của bà G nên có căn cứ xác định bà G còn nợ bà T số tiền 130.000.000 đồng. Từ phân tích nêu trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T buộc bà Trần Kim G trả cho bà T số tiền 130.000.000 đồng. Do bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập đến phần lãi suất.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Kim G là bị đơn và ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Đ là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Trần Kim G, ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Đ vẫn vắng mặt không lý do. Còn Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Vũ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Kim G, ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Văn Vũ theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện của bà Trần Kim T khởi kiện bà Trần Kim G phải trả số tiền còn thiếu trong việc hùn vốn làm ăn với bà Trần Kim G. Xét yêu cầu nguyên đơn khi thụ lý vụ án Tòa án xác định đây quan hệ tranh chấp đòi tài sản nhưng qua nghiên cứu hồ sơ, các phiên hòa giải và diễn biến tại phiên tòa và đối chiếu với quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mà cụ thể là hợp đồng hùn vốn.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện thì bà Trần Kim T yêu cầu bà Trần Kim G phải trả số tiền 130.000.000 đồng trong việc hùn vốn làm ăn mà bà G còn thiếu lại. Còn đối với bị đơn bà Trần Kim G tại biên bản lấy lời khai ngày

8/3/2021 thì bà trình bày là không có hùn làm ăn với bà Thúc, bà chỉ thuê ông Huỳnh Văn V (là chồng bà Thúc) và ông Huỳnh Văn V (là con bà T) làm thuê theo mùa, bà không có nợ nần hay ký giao kèo gì với bà T cả. Tờ giao kèo ngày 5/5/2020 do bà T mạo chữ ký, tự viết của bà và mẹ của bà là Nguyễn Thị Đ. Bà không có nợ nần gì với bà T , nếu bà T nói bà thiếu nợ thì tự bà T đi giám định chữ ký, chữ viết. Tuy nhiên căn cứ vào tờ biên nhận ngày 5/5/2020 có chữ ký và chữ viết của bà G và nội dung trong biên nhận bà G cũng thừa nhận có thiếu tiền bà T và đồng ý trả tiền cho bà T. Ngoài ra căn cứ vào kết quả giám định mẫu chữ ký của bà G số 3947/KL-KTHS ngày 21/7/2022 của Phân Viện Khoa học Hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận “ *Chữ ký “ Giang” chữ viết họ tên “ Trần Kim G” dưới mục “ đồng ký tên” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đúng tên Trần Kim G trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra.* Từ cơ sở trên xác định việc quan hệ hùn vốn làm ăn của bà Trần Kim T và bà Trần Kim G thực tế có xảy ra. Theo bà T trình bày bà và bà Ghùn vốn mua máy cày, cày thuê đất vào tháng 5 năm 2016, quá trình làm ăn sau 9 mùa vụ, không có lợi nhuận nên rả hùn, sau đó bà G trả lại bà số tiền hùn ban đầu là 250.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền công lao động của chồng và con bà. Tổng cộng số tiền mà bà G phải trả cho bà là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Sau đó đến tháng 7 năm 2019 bà G trả cho bà được số tiền 100.000.000 đồng, qua đến tháng 5 năm 2020 bà G trả được 100.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà G trả cho bà được số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) thì bà G hứa hẹn sẽ trả thành 2 lần: Ngày 5/8/2020 trả số tiền 50.000.000 đồng và ngày 30/12/2020 trả tiếp số tiền 80.000.000 đồng nữa là dứt điểm. Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Trần Kim G trả số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Còn bà Trần Kim G không thừa nhận có hùn vốn làm ăn và không thừa nhận có viết và ký tên trong tờ giao kèo. Tuy nhiên lời trình bày của bà G không được phía bà T chấp nhận và trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm phía bị đơn bà G không đến tòa tham gia hòa giải đối chất cũng như không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình. Do đó bà phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được. Xét thấy, trong mối quan hệ hùn vốn phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả tiền theo thỏa thuận. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà G phải có nghĩa vụ trả số tiền 130.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn V trình bày: Ông là chồng của bà Trần Kim T. Việc hùn hạp làm ăn do bà T và bà G thương lượng với nhau. Đối với số tiền công của ông và V là 80.000.000 đồng, ông và con ông là V đồng ý để cho bà T yêu cầu trả số tiền này, sau đó để vợ chồng ông thương lượng sau, ông không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Căn cứ vào qui định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 do chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim T nên bà Trần Kim G

phải chịu chi phí giám định là 5.000.000đồng, số tiền này bà Trần Kim T đã nộp thay, do đó bà Trần Kim G phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho bà Trần Kim T là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+Bà Trần Kim T được nhận lại số tiền 3.250.000.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007334 ngày 6 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+Bà Trần Kim G phải chịu số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T

2. Buộc bà Trần Kim G phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim T số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí giám định: Bà Trần Kim G có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí giám định cho bà Trần Kim T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+Bà Trần Kim T được nhận lại số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007334 ngày 6 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+Bà Trần Kim G phải chịu số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về kháng cáo: Bà Trần Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2022). Bà Trần Kim G, ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Đ và anh Huỳnh Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung